TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 116/2026/QĐST-DS	*Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2026 các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 99/2026/TLST-DS ngày 15/4/2026, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H Bank). Địa chỉ liên hệ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Kh, phường S, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức T – Quyền giám đốc Chi nhánh K. Địa chỉ: 556A T, phường K, tỉnh Q *(Theo Quyết định ủy quyền số 2288A/2025/QĐ-TGĐ ngày 13/5/2025).*

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Ông Dương Văn M – Phó phụ trách phòng khách hàng cá nhân - H Bank Chi nhánh K.

2/ Ông Nguyễn Hải L – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân - H Bank Chi nhánh K.

Cùng địa chỉ làm việc: 556A T, phường K, tỉnh Q.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 198x và anh Lê Quang L, sinh năm 198x; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Y T, sinh năm 196x

2/ Chị Y Tr, sinh năm 198x

3/ Anh A Ph, sinh năm 198x

Cùng địa chỉ: Làng R, phường Đ, tỉnh Q.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải trả: Chị Trần Thị Q và anh Lê Quang L phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H Banhk) số tiền tính đến ngày 14/8/2026 là 3.332.610.311 đồng *(Ba tỷ ba trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười ngàn ba trăm mười một đồng).* Trong đó tiền gốc là 2.199.999.996 đồng và lãi trong hạn 73.165.341 đồng; Lãi quá hạn: 1.059.444.974 đồng.

- Thời hạn trả kể từ ngày Quyết định công nhận có hiệu lực phát luật.

Kể từ ngày 15/8/2026 chị Trần Thị Q và anh Lê Quang L còn phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa chị A, anh L với Ngân hàng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp chị A, anh L không trả được số tiền trên cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 35763/21MN/HĐBĐ ngày 15/12/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15063/22MN/HĐBĐ ngày 15/04/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8474/23MN/HĐBĐ ngày 26/04/202 giữa Ngân hàng và chị Trần Thị Q, anh Lê Quang L đối với các tài sản là:

+ Thửa đất số 229 tờ bản đồ 11, diện tích 342,4m ^{2} tại đường Nguyễn Thái Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Nay là phường Đak Bla, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 933394 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/10/2021 Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS05474 mang tên Lê Quang L và Trần Thị Q.

+ Thửa đất số 81 tờ bản đồ 15, diện tích 8300,4m ^{2} tại Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh K (Nay là xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 201614 do UBND thành phố K cấp ngày 31/5/2010 Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH00080 mang tên Đoàn Thị N chuyển nhượng cho ông Lê Quang L và Trần Thị Q ngày 29/4/2020.

+ Thửa đất số 172 tờ bản đồ 3, diện tích 44415m ^{2} tại Thôn 8, xã Đ, huyện K, tỉnh K (Nay là xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 747895 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 02/3/2023 Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00051 mang tên Trần Thị Q.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ thì chị Trần Thị Q, anh Lê Quang L tiếp tục liên đới có trách nhiệm thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng theo quy định pháp luật và các thỏa thuận đã ký kết.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hòa giải thành nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm là 49.326.103 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn một trăm lẻ ba đồng)*. Chị Trần Thị Q, anh Lê Quang L liên đới chịu số tiền này.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 47.482.193 đồng *(Bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi ba đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001582 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Q.

2.3. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tài sản là 42.900.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng)*. Chị Trần Thị Q, anh Lê Quang L phải chịu số tiền này. Số tiền này Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đã nộp; anh L, chị A có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền trên cho Ngân hàng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND Khu vực 7 – Q;.
- Phòng THADS KV 7 – Q;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Như Mai